CHỈ TIÊU KINH TẾ - KỸ THUẬT
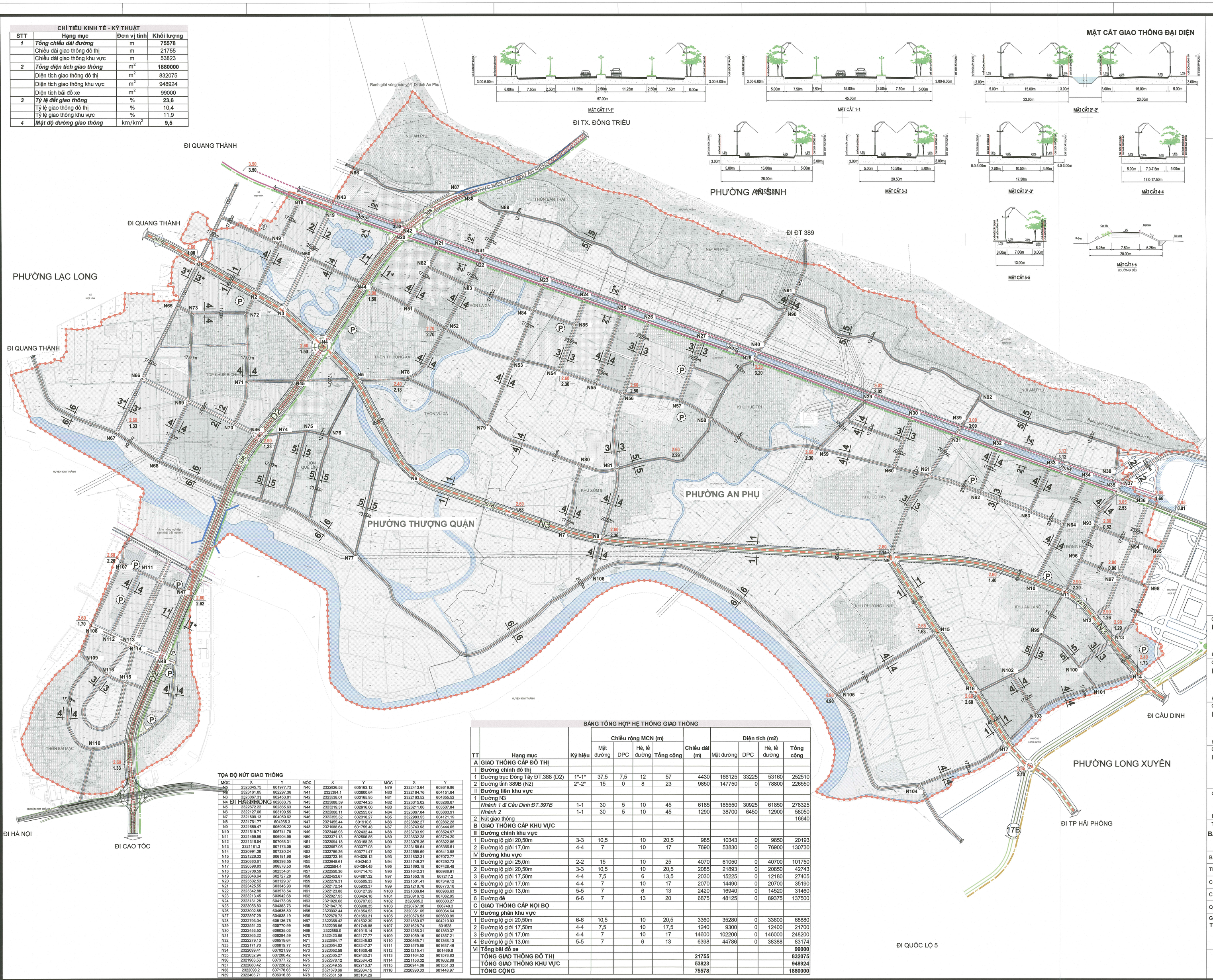
STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng
1	***Tổng chiều dài đường***	m	**75578**
	Chiều dài giao thông đô thị	m	21755
	Chiều dài giao thông khu vực	m	53823
2	***Tổng diện tích giao thông***	m^2	**1880000**
	Diện tích giao thông đô thị	m^2	832075
	Diện tích giao thông khu vực	m^2	948924
	Diện tích bãi đỗ xe	m^2	99000
3	***Tỷ lệ đất giao thông***	%	**23,6**
	Tỷ lệ giao thông đô thị	%	10,4
	Tỷ lệ giao thông khu vực	%	11,9
4	***Mật độ đường giao thông***	km/km^2	**9,5**